

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Số: 24 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 06 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 06/CV-TP ngày 28/12/2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 934/TTr-STNMT ngày 31/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực



hiện tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Bù Đốp, Chủ tịch UBND xã Hưng Phước, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-78-QĐPD-TNMT).



Huỳnh Anh Minh

PHỤ LỤC

Các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con tại xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát làm chủ đầu tư
(Kèm theo Quyết định số24...../QĐ-UBND ngày 06.../...01./2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo nái, quy mô 2.400 con.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát.

Công ty TNHH Chăn nuôi Thành Phát được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 3801219800 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 25/02/2020 (đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 13/11/2020).

Trụ sở chính: Ấp 5, xã Phước Sơn, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Văn Cảnh, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 110.019,1 m² với quy mô 2.400 con heo nái sinh sản.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng:* Gồm bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, lá, cành và rễ của cây; khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình và khí thải từ quá trình hàn; nước thải sinh hoạt của công nhân và nước thải từ hoạt động xây dựng; chất thải rắn từ sinh hoạt của công nhân, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:* Gồm bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Trang trại; bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực ép phân, khu vực xay xác heo chết không do dịch bệnh, khu vực hầm hủy xác và khu chăn nuôi; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt; chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.



2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày; chủ yếu là lượng nước thải từ quá trình vệ sinh phương tiện, thiết bị phục vụ thi công xây dựng; thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày. Tính chất của nước thải chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm BOD₅, SS, nitơ của các muối amoni, photphat, clorua, chất hoạt động bề mặt, coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi*: Lưu lượng phát sinh khoảng 78,425 m³/ngày; chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm nhiệt độ, pH, SS, COD, BOD₅, NH₄⁺, NO₂, độ mặn, E.Coli, S.feacalis, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt*: Lưu lượng phát sinh khoảng 3,2 m³/ngày; chủ yếu chứa các thành phần ô nhiễm gồm BOD₅, SS, nitơ của các muối amoni, photphat, clorua, chất hoạt động bề mặt, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Bụi, khí thải do quá trình sử dụng nhiên liệu xăng của xe máy*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Bụi phát sinh do quá trình của xe máy*: Phát sinh khoảng 0,77 g/s.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như CO, HC, NO_x, bụi.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng*: Nồng độ bụi phát sinh khoảng 3,45 mg/m³.

- *Bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như CO, HC, NO_x, bụi.

- *Bụi và khí thải từ các phương tiện thi công trên công trường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO.

- *Khí thải từ quá trình hàn*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như khói hàn, CO, NO_x.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào Trang trại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, SO₂, CO.

- *Bụi phát sinh từ nhập nguyên liệu thức ăn*: Lượng bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn có nồng độ khoảng 2,388 mg/m³.

- *Khí thải từ hầm biogas*: Lượng khí CH₄ sinh ra từ bể biogas của Dự án khoảng 28,0449 m³/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH₄ (từ 58% đến 60%) và CO₂ (> 30%) còn lại là các chất khác như: H₂S, N₂, H₂, CO, mercaptan...

- Mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, từ khu vực ép phân, khu vực xay xác heo chết không do dịch bệnh, khu vực hầm hủy xác và khu chăn nuôi: Thành phần chủ yếu chứa H_2S , NH_3 , mercaptan và các amin hữu cơ, andehyt hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Phát sinh trong quá trình xây dựng với khối lượng khoảng 266,175 tấn, chủ yếu là phế thải xây dựng như xi măng rơi vãi, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu, đá, vật liệu khác...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 12,9 kg/ngày; thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ. Ngoài ra còn một lượng sinh khối phát sinh (gỗ, củi, rế, thân cành lá...) trong quá trình giải phóng mặt bằng khoảng 1.883,47 tấn.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 3.388,5 kg/ngày (3,39 tấn/ngày). Thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Nhau thai và xác heo chết không do dịch bệnh (do ngộp, còi cọc)*: Lượng nhau thai khoảng 39 kg. Lượng heo chết do ngộp, còi cọc khoảng 15 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bùn thải*: Lượng bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải của Dự án khoảng 231 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm nước, các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bao bì cám heo dự trữ*: Khối lượng phát sinh khoảng 2,56 kg/ngày.

- *Tắm làm mát thải bỏ*: Khối lượng phát sinh khoảng 462,348 kg/năm.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 17,2 kg/ngày. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 30 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại...

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 69 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng can nhựa đựng hóa chất, dầu mỡ thải); bao bì mềm thải (bao bì thuốc thú y thải); bóng đèn huỳnh quang thải; dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất thải lây



nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại phát sinh quá trình sát trùng xe, chuồng trại); pin, ắc quy chì thải; hộp mực in thải có các thành phần nguy hại...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:* Thu gom nước thải xây dựng vào hồ lắng tạm có thể tích khoảng 03 m^3 , kích thước: $D \times R \times C = 02 \text{ m} \times 01 \text{ m} \times 1,5 \text{ m}$. Bụi, cát, đá... có trong nước thải lắng xuống và phần nước trong được tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Chủ Dự án xây dựng trước 04 bể tự hoại 03 ngăn (diện tích từng bể 02 m^2 , chiều sâu từng bể $1,5 \text{ m}$) để sử dụng chung cho cả giai đoạn triển khai xây dựng và giai đoạn vận hành với thể tích $03 \text{ m}^3/\text{bể}$.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng trước khi tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường. Nước thải sinh hoạt phải được thu gom và xử lý theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa vào hầm biogas của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý, Chủ Dự án xây dựng 04 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích là 12 m^3 được bố trí tại khu vực nhà kỹ thuật, nhà công nhân và nhà điều hành.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình rửa chân, tay, tắm giặt; quá trình sát trùng xe và người:* Nước thải từ quá trình rửa chân, tay, tắm giặt được thu gom về hồ sinh học 2 của hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải từ quá trình sát trùng xe, công nhân và nước tắm sau khi sát trùng được đưa vào hồ chứa nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại để xử lý. Công ty xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý với quy trình:

Nước thải sinh hoạt từ bể tự hoại 03 ngăn của Dự án → Hầm biogas; Nước thải từ quá trình rửa chân, tay, tắm giặt → Hồ sinh học 2; Nước thải từ quá trình sát trùng xe, công nhân và nước tắm sau khi sát trùng → Hồ chứa nước thải sau xử lý; Nước thải chăn nuôi → Hồ CT (phân thu gom từ hồ CT được đưa qua máy ép phân; nước thải từ hồ CT và nước rỉ từ quá trình ép phân tiếp tục qua hệ thống xử lý) → Hầm biogas → Hồ sinh học 1 → Hồ sinh học 2 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng sinh học → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Hồ

chứa nước thải sau xử lý → Nước thải đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT được dùng vào mục đích tưới tiêu.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án như sau:

Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x sâu)	Thể tích (m ³)	Số lượng	Vật liệu xây dựng
Hố CT	08 x 04 x 05	160	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hầm biogas	60 x 30 x 06	10.800	01	Hồ đất vát taluy, lót và phủ bạt HDPE
Hồ sinh học 1	45 x 30 x 04	5.400	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Hồ sinh học 2	45 x 30 x 04	5.400	01	Hồ đất, lót bạt HDPE
Bể anoxic	3,6 x 3,6 x 05	64,8	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể aerotank	7,4 x 2,6 x 05	96,2	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng sinh học	3,6 x 3,6 x 05	64,8	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể keo tụ	1,2 x 01 x 03	3,6	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể tạo bông	1,2 x 01 x 03	3,6	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể lắng hóa lý	2,2 x 2,2 x 03	14,52	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể khử trùng	2,2 x 1,2 x 03	7,92	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Bể chứa bùn	2,2 x 1,2 x 03	7,92	01	Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm
Hồ chứa nước thải sau xử lý	45 x 30 x 04	5.400	01	Hồ đất, lót bạt HDPE

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi sử dụng vào mục đích tưới tiêu.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, cành và rễ của cây*: Sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hóa; trang bị khẩu trang, bao tay, nút bịt tai và các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ quá trình vận chuyển gỗ:* Xe chuyên chở gỗ và sinh khối phải được che phủ kín; lập lịch trình hoạt động hợp lý; ưu tiên tuyển chọn công nhân từ nguồn nhân lực tại địa phương để giảm lượng công nhân tập trung tại lán trại...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; tưới nước trong các ngày nắng với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều) ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi; trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; các loại xe chuyên chở vật liệu và xà bần phải được che phủ kín để tránh phát tán bụi...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công và khí thải từ quá trình hàn:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định, hạn chế nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên vật liệu; bố trí riêng khu vực tập kết nguyên vật liệu cho Dự án và che phủ bạt kín; phun xịt nước tại khu vực sân, khu vực đào đất; trang bị bảo hộ lao động gồm mắt kính, khẩu trang, găng tay cho công nhân...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng phải đảm bảo đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực Trại; tưới nước thường xuyên tại các đường giao thông nội bộ với tần suất 01 lần/ngày; không nổ máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; điều phối xe hợp lý...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí trong nhà đặt máy phát điện; lắp đặt ống khói bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, với chiều cao ống khói vượt mái trại khoảng 02 m, đường kính 150 mm.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn:* Trang bị khẩu trang y tế, bảo hộ lao động cho công nhân; thường xuyên kiểm tra máng ăn, thiết bị cho ăn; điều chỉnh lượng thức ăn trong thiết bị cho ăn cho phù hợp...

- *Biện pháp xử lý khí gas từ hầm biogas:* Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng làm nhiên liệu để nấu ăn phục vụ công nhân viên và nấu heo chét không do dịch bệnh cho cá ăn; thường xuyên theo dõi và bảo dưỡng đường ống dẫn khí gas; lượng khí gas dư được Chủ Dự án thực hiện đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hoạt động chăn nuôi, hệ thống xử lý nước thải, khu vực ép phân, chứa phân, khu vực hầm hủy xác:*

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng theo nguyên tắc thông gió tự nhiên; bố trí hệ thống quạt hút hoạt động liên tục với 44 quạt hút, công suất 1,5 HP; thiết kế chuồng nuôi có độ dốc và rãnh thoát nước tiêu để giảm thiểu mùi hôi; dùng chế phẩm EM pha với nước sạch, phun đều cho chuồng nuôi kể cả phun làm mát cho heo (phun lên mình heo) với tần suất ít nhất là 02 lần/ngày; trồng cây xanh cách ly xung quanh các khu trại...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống có các nắp đan đáy kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên Trang trại...

Khu vực ép phân, chứa phân: Dùng chế phẩm vi sinh EM phun đều lên bề mặt phân heo với tần suất phun 04 lần/ngày. Ngoài ra, tiến hành rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí hầm hủy xác nằm ở khu vực biệt lập, xa khu vực chuồng trại, hầm hủy có nắp đan kín. Sử dụng vôi và chế phẩm vi sinh EM để phun, rắc vào các vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất phun 03 lần/ngày.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Khí thải từ máy phát điện phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường. Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ với lượng đất đào còn dư, đá, gạch vụn... Đối với lượng chất thải xây dựng không thể tận dụng và thu hồi, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Thu gom, lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng rác bằng nhựa, dung tích 120 lít và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do phân heo:* Lượng phân heo phát sinh từ Dự án được thu gom về hố CT và bơm về máy ép phân để ép phân. Nước ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Lượng phân sau ép được phun

chế phẩm vi sinh EM với tần suất 04 lần/ngày để khử mùi và rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày, sau đó đóng bao, lưu trữ trong nhà để phân có diện tích 105 m². Chủ Dự án đầu tư 01 máy ép phân với công suất 06 m³/giờ, được bố trí trong nhà để phân có diện tích 105 m².

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nhau thai và xác heo chết do ngộ độc, còi cọc:* Nhau thai và xác heo chết do ngộ độc, còi cọc được nấu chín, sau đó đưa qua máy nghiền (công suất dự kiến khoảng 100 – 200 kg/giờ) và cho cá ăn; trường hợp cá ăn không hết hoặc heo chết không do dịch bệnh được cho vào hầm hủy xác để xử lý. Hầm hủy xác có kích thước: D x R x S = 09 m x 06 m x 04 m, có 03 ngăn, mỗi ngăn có 01 cửa được xây bằng gạch, kín, có kích thước: D x R = 0,4 m x 0,4 m được đặt biệt lập và cách xa với khu vực chuồng nuôi.

Cá trê và cá chim, số lượng khoảng 2.000 con được nuôi tại hồ nuôi cá có diện tích 1.400 m², kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE. Chủ Dự án xây dựng nhà đặt máy xay xác heo chết do ngộ độc, còi cọc với diện tích 40 m²; nhà đặt chảo nấu heo với diện tích 20 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô hai mặt quét sơn nước, mái lợp tôn.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động từ xác heo chết do dịch bệnh:* Khi chủ Trang trại nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bùn thải:* Trường hợp bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải sau khi phân tích không phải là chất thải nguy hại thì được thu gom về bể chứa bùn, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định. Trường hợp bùn thải sau khi phân tích là chất thải nguy hại, Chủ Dự án thực hiện việc quản lý theo đúng quy định về chất thải nguy hại.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt:* Chủ Dự án bố trí 05 - 10 thùng rác 60 lít đặt dọc đường giao thông nội bộ, xung quanh và trong khu vực trại để thu gom rác thải sinh hoạt và định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệp thông thường:* Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu gom, lưu trữ tại kho chứa với diện tích 12 m², nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô hai mặt, quét sơn nước, mái lợp tôn, cửa ra vào khung sắt, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Phân heo được xử lý theo đúng quy định tại điểm a, khoản 3, Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi xuất bán cho các đơn vị có nhu cầu.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu chứa tại nhà chứa chất thải nguy hại có diện tích 08 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn; nhà chứa chất thải nguy hại này được sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng và hoạt động của Dự án. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do chất thải nguy hại:* Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong 09 thùng chứa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn, đặt trong khu vực nhà chứa chất thải nguy hại với diện tích 08 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Định kỳ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng ít gây tiếng ồn, rung hoặc gắn thiết bị giảm thanh để mức ồn nguồn đạt tiêu chuẩn; quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực đang thi công; trang bị thiết bị hạn chế hoặc chống ồn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Hiện đại hóa thiết bị, sử dụng các loại thiết bị ít gây ồn và rung nhất; lắp ráp đúng quy trình kỹ thuật; chuồng trại được che chắn giảm thiểu việc phát tán tiếng ồn của heo; trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy định hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải và hầm biogas:* Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng và thực hiện các biện pháp khác theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất:* Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002, Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính sẽ được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào tại hố CT và 01 điểm đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3. Giám sát trong giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí trong khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại khu vực chuồng trại; 01 điểm tại khu vực đặt máy ép phân; 01 điểm tại hầm ủ xác; 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- *Thông số giám sát*: Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, CH₄, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.3.2. Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào tại hố CT và 01 điểm đầu ra tại hồ chứa nước thải sau xử lý.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01 – 14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi heo an toàn sinh học.

5.3.3. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 mẫu tại giếng khoan trong Trại trại.
- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, TDS, Fe tổng, nitrat, nitrit, Cl⁻, amoni, tổng coliform.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.4. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.3.5. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tưới tiêu trong khu vực Dự án.
- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của một số kim loại nặng trong đất.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

6.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

6.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dải cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

6.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 83/CV-UBND ngày 26/10/2020 của UBND xã Hưng Phước về việc ý kiến tham vấn Báo cáo ĐTM về Dự án Đầu tư xây dựng Trang trại chăn nuôi heo 2.400 con heo nái sinh sản và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 26/10/2020 tại ấp 3, xã Hưng Phước, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

6.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

